

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2017.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào.
2. Ông Trần Văn Nhâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vĩnh Th (Diễm Th) – sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 2A, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí L – sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Vĩnh Hòa 2, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2017, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vĩnh Th như sau: Bà kết hôn với chồng bà là ông Nguyễn Chí L vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng vợ chồng bà không có đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng bà không còn hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã. Do không thể hòa giải được nên vợ chồng bà sống ly thân nhau đã 03 năm nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Chí L.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà có 03 người con chung tên Nguyễn Chí B – sinh năm 1996, Nguyễn Thị Kim Nh – sinh năm 1998 và Nguyễn Chí Đ – sinh năm 2002.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Chí L.

Về con chung: Hai đứa con lớn của vợ chồng bà là Nguyễn Chí B và Nguyễn Thị Kim Nh hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với cháu Nguyễn Chí Đ – sinh ngày 17/6/2002, bà đồng ý giao cháu Đạt cho ông L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Chí L trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung, ông không có yêu cầu gì thêm.

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với vợ ông là bà Nguyễn Thị Vĩnh Th.

Về con chung: Hai đứa con lớn của vợ chồng ông là Nguyễn Chí B và Nguyễn Thị Kim Nh hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với cháu Nguyễn Chí Đ – sinh ngày 17/6/2002, ông đồng ý nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Ông không yêu cầu bà Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào cuộc xét hỏi và kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Vĩnh Th và ông Nguyễn Chí L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Chí L là bị đơn trong vụ án, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Vĩnh Th và ông Nguyễn Chí L kết hôn với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện tức hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau rồi đi đến xác lập cuộc sống chung vợ chồng, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng vợ chồng ông bà không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân sở tại là vi phạm Điều 08 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Vĩnh Th và ông Nguyễn Chí L là vợ chồng.

3. Về con chung: Ông L và bà Th có 03 người con chung tên Nguyễn Chí B – sinh năm 1996, Nguyễn Thị Kim Nh – sinh năm 1998 và Nguyễn Chí Đ – sinh ngày 17/6/2002. Ông L và bà Th đã thỏa thuận giao cháu Nguyễn Chí Đ cho ông L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; cháu Nguyễn Chí Đ có bản tự khai ngày 08/3/2017 với nguyện vọng được sống chung với ông L nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng đối với hai cháu Nguyễn Chí B – sinh năm 1996, Nguyễn Thị Kim Nh – sinh năm 1998 hiện đã trưởng thành và có

việc làm ổn định, có cuộc sống riêng nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về phân cấp dưỡng nuôi con ông L không yêu cầu bà Th phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Nguyễn Thị Vĩnh Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005095, ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà Th đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 53, 81, 82 và 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 147 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Vĩnh Th.

Về quan hệ hôn nhân: Xử: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Vĩnh Th và ông Nguyễn Chí L là vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của ông L và bà Th về việc giao cháu Nguyễn Chí Đ – sinh ngày 17/6/2002 cho ông L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép ngăn cản bà thực hiện quyền này.

Ông L và bà Th được quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Vĩnh Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005095, ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang